

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 16 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phở	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Đình Thành	Trưởng ban (từ ngày 8 tháng 5 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban (đến ngày 8 tháng 5 năm 2014)
Ông Phan Hữu Phú	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trí	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 2 năm 2014)
Ông Đinh Duy Tường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 5 năm 2014)
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành (từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)
Ông Bùi Đình Thành	Giám đốc điều hành (đến tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2015

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72-Storey Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-298-d



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		798.239.927.505	548.502.060.125
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	42.884.483.121	15.212.625.051
Tiền	111		10.984.483.121	11.197.625.051
Các khoản tương đương tiền	112		31.900.000.000	4.015.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.300.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		3.300.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	310.175.824.558	203.961.221.392
Phải thu khách hàng	131		287.308.132.064	186.883.006.589
Trả trước cho người bán	132		18.810.627.005	15.948.308.511
Các khoản phải thu khác	135		4.955.046.571	2.585.058.041
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(897.981.082)	(1.455.151.749)
Hàng tồn kho	140	7	403.219.245.145	304.775.147.946
Hàng tồn kho	141		403.800.544.635	304.781.399.536
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(581.299.490)	(6.251.590)
Tài sản ngắn hạn khác	150		38.660.374.681	24.553.065.736
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.288.939.152	4.305.246.628
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.485.680.086	18.548.032.241
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.636.837	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		854.118.606	1.699.786.867
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		405.945.186.908	385.081.031.739
Tài sản cố định	220		367.205.672.980	350.692.931.256
Tài sản cố định hữu hình	221	8	362.394.729.533	340.186.844.343
Nguyên giá	222		744.296.051.777	649.425.795.675
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(381.901.322.244)	(309.238.951.332)
Tài sản cố định vô hình	227	9	869.000.486	1.014.728.775
Nguyên giá	228		3.951.068.124	3.436.315.643
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.082.067.638)	(2.421.586.868)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.941.942.961	9.491.358.138
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	25.525.879.159	25.409.425.141
Đầu tư vào công ty con	251		15.832.400.000	12.618.400.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		7.700.000.000	7.700.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		10.705.702.000	10.705.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.712.222.841)	(5.614.676.859)
Tài sản dài hạn khác	260		13.213.634.769	8.978.675.342
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	13.213.634.769	8.978.675.342
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.204.185.114.413	933.583.091.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		944.217.919.281	695.017.129.870
Nợ ngắn hạn	310		783.402.335.887	543.931.501.330
Vay ngắn hạn	311	13	477.569.942.160	360.425.053.971
Phải trả người bán	312		190.092.260.703	101.001.845.556
Người mua trả tiền trước	313		1.103.649.673	7.082.872.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.674.479.359	2.958.630.274
Phải trả người lao động	315		88.247.906.900	51.415.240.752
Chi phí phải trả	316	15	6.537.021.690	12.520.531.781
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	9.155.086.168	5.932.344.936
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	17	7.021.989.234	2.594.981.515
Vay và nợ dài hạn	330		160.815.583.394	151.085.628.540
Vay và nợ dài hạn	334	18	160.815.583.394	151.085.628.540
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		259.967.195.132	238.565.961.994
Vốn chủ sở hữu	410	19	259.967.195.132	238.565.961.994
Vốn cổ phần	411	20	150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	38.679.023.318	31.370.547.429
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	12.039.759.447	9.663.374.821
Lợi nhuận chưa phân phối	420		59.248.412.367	47.532.039.744
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.204.185.114.413	933.583.091.864

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ		
• USD	282.650	343.236
• EUR	338	358
Vật tư, hàng hóa nhận gia công		
• VND	80.423.759.927	48.893.171.952

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	23	2.577.473.959.268	2.432.764.690.345
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	59.702.537	494.317.003
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	2.577.414.256.731	2.432.270.373.342
Giá vốn hàng bán	11		2.350.515.778.602	2.221.160.182.631
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		226.898.478.129	211.110.190.711
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.318.036.729	9.966.046.450
Chi phí tài chính	22	25	36.450.023.311	36.978.647.041
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.601.619.055	22.576.916.323
Chi phí bán hàng	24		76.234.006.901	64.353.025.284
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		65.088.016.836	74.097.586.562
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		57.444.467.810	45.646.978.274
Thu nhập khác	31	26	8.365.340.471	4.021.799.351
Chi phí khác	32		2.264.382.257	1.590.127.423
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.100.958.214	2.431.671.928
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		63.545.426.024	48.078.650.202
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	4.301.360.888	2.996.373.099
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		59.244.065.136	45.082.277.103

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		63.545.426.024	48.078.650.202
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		83.494.512.855	71.297.616.569
Các khoản dự phòng	03		3.115.423.215	4.267.341.729
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.877.846.642	271.003.566
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.745.191.159)	(3.414.879.452)
Chi phí lãi vay	06		21.601.619.055	22.576.916.323
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		170.889.636.632	143.076.648.937
Biến động các khoản phải thu	09		(119.277.809.649)	(61.371.166.124)
Biến động hàng tồn kho	10		(99.019.145.099)	35.201.908.244
Biến động các khoản phải trả và phải trả khác	11		116.665.330.746	(53.970.706.589)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.075.127.183)	11.935.696.231
			67.182.885.447	74.872.380.699
Tiền lãi vay đã trả	13		(21.725.355.988)	(22.772.742.896)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(4.328.687.776)	(3.667.776.698)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		117.525.540	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.533.349.819)	(3.473.940.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.713.017.404	44.957.920.743
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(101.415.610.505)	(64.976.352.476)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		958.500.000	467.676.112
Tiền chi đầu tư vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng	23		(3.300.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.214.000.000)	(11.354.500.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.051.522.317	1.295.848.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(104.919.588.188)	(74.567.327.731)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.894.081.441.941	1.766.449.848.419
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.769.860.768.243)	(1.717.749.861.729)
Tiền trả cổ tức	36		(29.381.076.920)	(30.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		94.839.596.778	18.699.986.690
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		27.633.025.994	(10.909.420.298)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		15.212.625.051	26.117.698.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		38.832.076	4.347.231
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	42.884.483.121	15.212.625.051

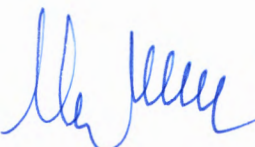
Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập:



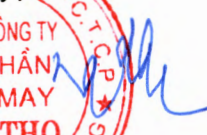
Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng





Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có 6.258 nhân viên (31/12/2013: 5.463 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(k) Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổng Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Thu nhập từ hoạt động tài chính

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	49.596.300	4.022.000
Tiền gửi ngân hàng	10.934.886.821	11.193.603.051
Các khoản tương đương tiền	31.900.000.000	4.015.000.000
	42.884.483.121	15.212.625.051

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các công ty liên quan - thương mại	9.086.787.630	7.347.882.200

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 187.154 triệu VND (31/12/2013: 115.360 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	1.571.650.162	1.063.989.465
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	1.936.096.272	-
Phải thu khác	1.447.300.137	1.521.068.576
	4.955.046.571	2.585.058.041

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	63.875.076.618	29.660.759.414
Nguyên vật liệu	130.566.335.007	86.812.981.136
Công cụ và dụng cụ	277.421.717	161.072.574
Sản phẩm dở dang	142.192.679.374	131.367.622.672
Thành phẩm	57.658.581.065	52.052.018.199
Hàng hóa	681.360.425	435.374.529
Hàng gửi đi bán	8.549.090.429	4.291.571.012
	403.800.544.635	304.781.399.536
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(581.299.490)	(6.251.590)
	403.219.245.145	304.775.147.946

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 351.408 triệu VND (31/12/2013: 304.773 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 13).

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	6.251.590	6.251.590
Tăng dự phòng trong năm	575.047.900	-
Số dư cuối năm	581.299.490	6.251.590

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	127.525.347.395	462.219.984.817	25.119.810.112	5.140.103.312	29.420.550.039	649.425.795.675
Tăng trong năm	3.437.812.759	18.567.154.614	228.909.091	531.661.364	1.987.219.492	24.752.757.320
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	26.025.234.638	46.485.752.197	-	-	8.023.004.278	80.538.991.113
Phân loại lại	-	(53.000.000)	-	-	53.000.000	-
Thanh lý	(486.094.903)	(8.630.020.228)	-	-	(1.305.377.200)	(10.421.492.331)
Số dư cuối năm	156.502.299.889	518.589.871.400	25.348.719.203	5.671.764.676	38.183.396.609	744.296.051.777
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	45.234.389.432	233.568.990.739	12.160.972.668	3.682.084.699	14.592.513.794	309.238.951.332
Khấu hao trong năm	8.189.888.765	65.308.297.306	2.801.071.008	563.328.596	5.971.445.410	82.834.032.085
Phân loại lại	-	(5.299.998)	-	-	5.299.998	-
Thanh lý	(278.044.029)	(8.588.239.944)	-	-	(1.305.377.200)	(10.171.661.173)
Số dư cuối năm	53.146.234.168	290.283.748.103	14.962.043.676	4.245.413.295	19.261.883.002	381.901.322.244
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	82.290.957.963	228.650.994.078	12.958.837.444	1.458.018.613	14.823.036.245	340.186.844.343
Số dư cuối năm	103.356.065.721	228.306.123.297	10.386.675.527	1.426.351.381	18.919.513.607	362.394.729.533

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 157.322 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 129.637 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 362.395 triệu VND (31/12/2013: 340.187 triệu VND), được dùng để bảo đảm cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 13) và dài hạn (Thuyết minh 18) của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.436.315.643
Tăng trong năm	514.752.481
Số dư cuối năm	3.951.068.124
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.421.586.868
Khấu hao trong năm	660.480.770
Số dư cuối năm	3.082.067.638
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.014.728.775
Số dư cuối năm	869.000.486

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.814 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 1.365 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	9.491.358.138	10.843.140.931
Tăng trong năm	76.148.100.704	18.191.112.826
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(80.538.991.113)	(18.436.077.113)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.051.937.495)	(1.106.818.506)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(91.587.273)	-
Xóa sổ	(15.000.000)	-
Số dư cuối năm	3.941.942.961	9.491.358.138

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014				31/12/2013			
	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư dài hạn tại:								
▪ Công ty con								
• Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	642.800	32,14%	54,00%	6.428.000.000	321.400	32,14%	54,00%	3.214.000.000
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	406.350	54,18%	54,18%	4.063.500.000	406.350	54,18%	54,18%	4.063.500.000
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	267.300	53,46%	53,46%	2.673.000.000	267.300	53,46%	53,46%	2.673.000.000
				15.832.400.000				12.618.400.000
▪ Công ty liên kết								
• Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000
• Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức	370.000	37,00%	37,00%	3.700.000.000	370.000	37,00%	37,00%	3.700.000.000
				7.700.000.000				7.700.000.000
▪ Công ty khác								
• Công ty Cổ phần Bông vải miền Trung	85.570	9,37%	9,37%	855.702.000	85.570	9,37%	9,37%	855.702.000
• Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000
• Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	160.000	16,00%	16,00%	1.600.000.000	160.000	16,00%	16,00%	1.600.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Chơn	135.000	7,86%	7,86%	1.350.000.000	135.000	7,86%	7,86%	1.350.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000
				10.705.702.000				10.705.702.000
				34.238.102.000				31.024.102.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(8.712.222.841)				(5.614.676.859)
				25.525.879.159				25.409.425.141

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	5.614.676.859	2.497.411.330
Tăng dự phòng trong năm	3.353.678.446	3.156.429.520
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(256.132.464)	(39.163.991)
Số dư cuối năm	8.712.222.841	5.614.676.859

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.483.804.563	1.220.909.532	273.961.247	8.978.675.342
Tăng trong năm	12.262.645.293	-	2.584.051.002	14.846.696.295
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	453.394.487	524.991.529	73.551.479	1.051.937.495
Phân bổ trong năm	(8.107.126.883)	(1.043.207.032)	(2.513.340.448)	(11.663.674.363)
Số dư cuối năm	12.092.717.460	702.694.029	418.223.280	13.213.634.769

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	425.120.324.900	324.751.402.549
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	52.449.617.260	35.673.651.422
	477.569.942.160	360.425.053.971

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	1,8% - 2,6%	114.566.066.151	56.221.436.179
Ngân hàng TMCP Ngoại thương (ii)	USD	1,8% - 2,8%	94.748.488.430	43.499.615.915
Ngân hàng TMCP Công thương (i)	USD	1,8% - 2,8%	74.028.853.760	33.985.281.510
Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	USD	1,8% - 1,95%	42.834.926.305	-
Ngân hàng HSBC (i)	USD	1,9% - 2,8%	22.698.393.653	51.171.798.361
Ngân hàng Indovina (i)	USD	1,85% - 2,8%	22.642.685.571	15.628.606.154
Ngân hàng ANZ (i)	USD	1,9% - 2,5%	17.822.856.945	47.112.492.285
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (i)	USD	1,8% - 2,8%	15.952.814.055	15.996.411.382
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	1,8% - 2,8%	11.796.186.091	43.047.260.341
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	USD	1,9% - 2,8%	7.896.882.939	17.984.724.422
Vay từ ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	6% - 8%	132.171.000	103.776.000
			425.120.324.900	324.751.402.549

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 7) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 8).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.031.502.399	1.062.647.248
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.600.750.689	1.628.077.577
Thuế thu nhập cá nhân	13.224.907	262.693.047
Các loại thuế khác	29.001.364	5.212.402
	3.674.479.359	2.958.630.274

15. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí hoạt động	5.802.541.088	9.677.932.814
Chi phí lãi vay	592.867.169	716.604.102
Chi phí phải trả khác	141.613.433	2.125.994.865
	6.537.021.690	12.520.531.781

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	4.343.573.457	3.177.488.540
Bảo hiểm xã hội	920.056.227	34.406.170
Bảo hiểm y tế	222.042.149	6.269.406
Cổ tức phải trả	618.923.080	-
Các khoản phải trả khác	3.050.491.255	2.714.180.820
	9.155.086.168	5.932.344.936

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.594.981.515	3.059.950.469
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm (Thuyết minh 19)	7.842.831.998	2.770.573.408
Tăng khác	117.525.540	238.398.000
Sử dụng quỹ trong năm	(3.533.349.819)	(3.473.940.362)
Số dư cuối năm	7.021.989.234	2.594.981.515

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	207.161.067.654	179.130.146.962
Nợ dài hạn khác (*)	6.104.133.000	7.629.133.000
	213.265.200.654	186.759.279.962
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(52.449.617.260)	(35.673.651.422)
Hoàn trả sau 12 tháng	160.815.583.394	151.085.628.540

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay 1	USD	4,5%	2021	48.393.758.568	-
Khoản vay 2	VND	8,4%	2019	47.607.635.988	55.547.635.988
Khoản vay 3	USD	6%	2018	34.049.396.187	33.585.586.128
Khoản vay 4	USD	5,5%	2018	22.568.863.161	28.622.139.744
Khoản vay 5	USD	5,5%	2020	16.481.960.397	19.244.404.368
Khoản vay 6	USD	3%	2017	8.972.460.000	11.800.320.000
Khoản vay 7	USD	6%	2018	7.623.301.098	7.519.458.912
Khoản vay 8	VND	9,2%	2019	6.959.360.000	-
Khoản vay 9	VND	10,6%	2016	4.549.995.000	7.149.999.000
Khoản vay 10	USD	5,2%	2016	3.842.294.918	4.147.745.892
Khoản vay 11	USD	5,2%	2016	2.182.619.684	3.399.299.218
Khoản vay 12	VND	0%	2015	1.158.386.000	5.258.386.000
Khoản vay 13	VND	8,5%	2021	1.013.875.000	-
Khoản vay 14	USD	5,8%	2015	703.910.850	1.737.386.400
Khoản vay 15	USD	5%	2017	589.673.703	-
Khoản vay 16	USD	5,5%	2016	463.577.100	731.619.840
Khoản vay 17	USD	6,4%	2014	-	281.732.640
Khoản vay 18	USD	6%	2014	-	79.504.656
Khoản vay 19	USD	6%	2014	-	24.928.176
				207.161.067.654	179.130.146.962

Các khoản vay dài hạn là từ các ngân hàng trong nước và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 8).

(*) Nợ dài hạn khác thể hiện khoản nợ dài hạn đối với Ban Quản lý cơ sở hạ tầng tỉnh Quảng Trị. Khoản nợ dài hạn này không phải chịu lãi, không được đảm bảo và được hoàn trả định kỳ mỗi năm hai lần với giá trị 762,5 triệu VND/lần cho đến hết năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	150.000.000.000	24.304.132.742	5.237.042.810	46.713.082.747	226.254.258.299
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	45.082.277.103	45.082.277.103
Phân bổ vào các quỹ	-	7.066.414.687	4.426.332.011	(11.492.746.698)	-
Cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.770.573.408)	(2.770.573.408)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	150.000.000.000	31.370.547.429	9.663.374.821	47.532.039.744	238.565.961.994
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	59.244.065.136	59.244.065.136
Phân bổ vào các quỹ	-	7.308.475.889	2.376.384.626	(9.684.860.515)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(7.842.831.998)	(7.842.831.998)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	150.000.000.000	38.679.023.318	12.039.759.447	59.248.412.367	259.967.195.132

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập đến khi quỹ dự phòng bằng 25% vốn cổ phần của Tổng Công ty

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 8 tháng 5 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 30.000 triệu VND cho các cổ đông (tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	2.577.473.959.268	2.432.764.690.345
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(494.317.003)
▪ Hàng bán bị trả lại	(59.702.537)	-
Doanh thu thuần	2.577.414.256.731	2.432.270.373.342

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	224.922.317	463.548.633
Cổ tức được chia	1.865.600.000	832.300.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.169.958.956	8.635.847.897
Chiết khấu thanh toán	57.555.456	34.349.920
	8.318.036.729	9.966.046.450

25. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	21.601.619.055	22.576.916.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.873.011.632	11.013.461.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.877.846.642	271.003.566
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	3.097.545.982	3.117.265.529
	36.450.023.311	36.978.647.041

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

26. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Tiền thu do thanh lý tài sản	958.500.000	467.676.112
Đánh giá lại tài sản	-	1.707.713.426
Thu nhập từ bán phế liệu	1.510.928.051	965.473.634
Giảm công nợ đối với nhà cung cấp	4.266.606.499	-
Các khoản mục khác	1.629.305.921	880.936.179
	8.365.340.471	4.021.799.351

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.301.360.888	2.996.373.099

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	63.545.426.024	48.078.650.202
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	6.354.542.602	4.807.865.020
Ưu đãi thuế	(2.956.203.509)	(2.410.837.058)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	955.487.390	406.669.495
Chi phí không được khấu trừ thuế	291.191.554	427.846.743
Thu nhập không bị tính thuế	(186.560.000)	(83.230.000)
Giảm thuế	(380.662.586)	(113.390.000)
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận	223.565.437	(38.551.101)
	4.301.360.888	2.996.373.099

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% (2013: 25%) cho năm 2014 và 2015, và 20% từ năm 2016.

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty. Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty. Tổng Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	42.834.886.821	15.208.603.051
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	3.300.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	291.365.197.553	188.012.912.881
		337.500.084.374	203.221.515.932

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban điều hành. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 - 30 ngày	1.859.196.172	-
Quá hạn từ 31 - 180 ngày	15.849.078.661	198.620.582
Quá hạn trên 180 ngày	4.963.714.507	8.831.016.652
	22.671.989.340	9.029.637.234

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.455.151.749	305.075.549
Tăng dự phòng trong năm	50.065.452	1.150.076.200
Hoàn nhập	(607.236.119)	-
	897.981.082	1.455.151.749

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
31/12/2014						
Phải trả người bán và phải trả khác	199.680	199.680	199.680	-	-	-
Vay ngắn hạn	425.120	427.024	427.024	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	213.265	249.249	65.507	60.145	120.826	2.771
	838.065	875.953	692.211	60.145	120.826	2.771
31/12/2013						
Phải trả người bán và phải trả khác	116.237	116.237	116.237	-	-	-
Vay ngắn hạn	324.751	327.961	327.961	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	186.759	220.463	44.057	54.842	109.403	12.161
	627.747	664.661	488.255	54.842	109.403	12.161

Tổng Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	282.650	343.236
Phải thu khách hàng	12.389.754	7.951.294
Tài sản ngắn hạn khác	-	22.539
Phải trả người bán	(6.054.451)	(2.665.838)
Vay ngắn hạn	(19.893.655)	(15.406.588)
Vay dài hạn	(6.828.246)	(5.275.917)
	(20.103.948)	(15.031.274)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
USD/VND	21.363	21.072

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần trước hợp nhất của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
31/12/2014	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(4.080.066.091)
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(3.009.020.554)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần trước hợp nhất của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, 197.030 triệu VND (31/12/2013: 162.071 triệu VND) vay dài hạn của Tổng Công ty chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.300.000.000	-
Vay ngắn hạn	(132.171.000)	(103.776.000)
Vay dài hạn	(10.130.846.000)	(17.058.706.000)
	(6.963.017.000)	(17.162.482.000)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	(424.988.153.900)	(324.647.626.549)
Vay dài hạn	(197.030.221.654)	(162.071.440.962)
	(622.018.375.554)	(486.719.067.511)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 5.909 triệu VND (2013: 4.624 triệu VND) lợi nhuận thuần trước hợp nhất của Tổng Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	42.884	42.884	15.213	15.213
▪ Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.300	(*)	-	-
▪ Phải thu khách hàng và phải thu khác	291.365	(*)	188.013	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán và phải trả khác	(199.680)	(*)	(116.237)	(*)
▪ Vay ngắn hạn	(425.120)	(*)	(324.751)	(*)
▪ Vay và nợ dài hạn	(213.265)	(*)	(186.759)	(*)
	(500.516)	(*)	(424.521)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các khoản tiền và các khoản tương đương tiền được xác định bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của những khoản này.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	21.484.964.000	21.484.964.000
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.492.717.086	2.751.849.819
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.712.193.205	767.413.925
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	106.103.836.739	94.015.666.967
Cổ tức nhận được	642.800.000	321.400.000
Góp vốn	3.214.000.000	-
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ Hội An		
Mua hàng hóa và dịch vụ	40.932.347.772	37.963.622.432
Cổ tức nhận được	541.800.000	270.900.000
Công ty Cổ phần may Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.765.110.514	3.799.776.913
Góp vốn	-	2.673.000.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa dịch vụ	24.116.718.688	15.610.753.622
Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.006.653.907	193.537.384
Góp vốn	-	3.700.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.009.359.373	887.066.726
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.110.449.797	159.207.700
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	8.204.878.361	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	966.199.296	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.123.800.484	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2014	2013
	VND	VND
Công ty TNHH Coast Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.410.011.604	14.690.064.828
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.306.208.292	26.137.093.363
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.836.567.545	696.528.655
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.257.921.055	664.721.244
Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.318.107.500	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	313.536.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		
Lương	4.463.429.801	4.564.403.806
Thưởng	887.420.031	764.170.544

30. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	201.000.000.000	102.600.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	28.500.000.000
	201.000.000.000	131.100.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.568.943.717.227	1.517.443.063.193
Chi phí nhân công	432.545.818.271	395.269.622.745
Chi phí khấu hao	83.494.512.855	71.297.616.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	418.360.190.656	340.912.505.125

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc